

Số: **43** /2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **31** tháng **12** năm 2020

THÔNG TƯ

Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất - Phần truy nhập vô tuyến”

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất - Phần truy nhập vô tuyến.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất - Phần truy nhập vô tuyến (QCVN 117:2020/BTTTT).

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 và thay thế Thông tư số 02/2018/TT-BTTTT ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động E-UTRA - Phần truy nhập vô tuyến (QCVN 117:2018/BTTTT).

Điều 3. Thông tư số 22/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động GSM” và Thông tư số 23/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động W-CDMA FDD” hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Điều 4. Giấy chứng nhận hợp quy, Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy đối với máy điện thoại di động sử dụng công nghệ E-UTRA có hoặc không tích hợp công nghệ W-CDMA FDD, GSM và thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất không phải máy điện thoại di động sử dụng công nghệ E-UTRA, W-CDMA FDD, GSM đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và đang còn thời hạn được tiếp tục áp dụng cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy, Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND và Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, KHCN (250).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 117:2020/BTTTT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI THÔNG TIN DI ĐỘNG MẶT ĐẤT -
PHẦN TRUY NHẬP VÔ TUYẾN**

*National technical regulation
on Land Mobile User Equipment - Radio Access*

Hà Nội - 2020

Mục lục

1. QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
1.1. Phạm vi điều chỉnh.....	5
1.2. Đối tượng áp dụng.....	7
1.3. Tài liệu viện dẫn.....	7
1.4. Giải thích từ ngữ.....	8
1.5. Ký hiệu.....	12
1.6. Chữ viết tắt.....	14
2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT.....	16
2.1. Điều kiện môi trường.....	16
2.2. Yêu cầu kỹ thuật.....	16
2.2.1. Công suất ra cực đại của máy phát.....	16
2.2.2. Mặt nạ phổ phát xạ của máy phát.....	17
2.2.3. Phát xạ giả của máy phát.....	19
2.2.4. Công suất ra cực tiểu của máy phát.....	23
2.2.5. Độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu (ACS).....	24
2.2.6. Đặc tính chặn của máy thu.....	26
2.2.7. Đáp ứng giả của máy thu.....	29
2.2.8. Đặc tính xuyên điều chế của máy thu.....	30
2.2.9. Phát xạ giả của máy thu.....	31
2.2.10. Tỷ số công suất rò kênh lân cận của máy phát.....	32
2.2.11. Độ nhạy tham chiếu của máy thu.....	35
2.2.12. Phát xạ bức xạ.....	36
2.2.13. Chức năng điều khiển và giám sát.....	36
3. PHƯƠNG PHÁP ĐO.....	37
3.1. Điều kiện môi trường.....	37
3.2. Giải thích kết quả đo.....	37
3.3. Phương pháp đo.....	38
3.3.1. Công suất ra cực đại của máy phát.....	38
3.3.2. Mặt nạ phổ phát xạ của máy phát.....	40
3.3.3. Phát xạ giả của máy phát.....	42
3.3.4. Công suất ra cực tiểu của máy phát.....	45
3.3.5. Độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu (ACS).....	46
3.3.6. Đặc tính chặn của máy thu.....	49
3.3.7. Đáp ứng giả của máy thu.....	53

3.3.8. Đặc tính xuyên điều chế của máy thu	54
3.3.9. Phát xạ giả của máy thu.....	56
3.3.10. Tỷ số công suất rò kênh lân cận của máy phát.....	57
3.3.11. Độ nhạy tham chiếu của máy thu.....	60
3.3.12. Phát xạ giả bức xạ	61
3.3.13. Chức năng điều khiển và giám sát.....	62
4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ	63
5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....	63
6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	63
Phụ lục A (Quy định) Điều kiện môi trường	64
Phụ lục B (Quy định) Yêu cầu kỹ thuật về truy nhập vô tuyến kết nối vào mạng W-CDMA	66
Phụ lục C (Quy định) Yêu cầu kỹ thuật về truy nhập vô tuyến kết nối vào mạng GSM105	
Phụ lục D (Quy định) Quy định về mã HS của thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất	193
Thư mục tài liệu tham khảo	194